

TỘI PHẠM ẢN VỀ MA TUÝ - THÔNG SỐ CẦN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH

ThS. NGUYỄN TUYẾT MAI*

Các số liệu thống kê cho thấy số các vụ và người phạm tội về ma túy bị phát hiện, điều tra và xét xử ngày một gia tăng. Tuy nhiên, số liệu thống kê đó cũng chỉ mới phản ánh được một phần tình hình tội phạm về ma túy ở Việt Nam thời gian qua. Còn một phần tội phạm đáng kể khác, thực tế đã xảy ra nhưng vì nhiều lí do khác nhau mà các cơ quan chức năng chưa phát hiện được, do đó chưa đưa được vào thống kê hình sự - đó là tội phạm ản và những sai số thống kê tội phạm.

Phần tội phạm ản được hợp thành cũng từ những hành vi phạm tội cùng các chủ thể của những hành vi đó thực tế đã thực hiện xong chưa bị các cơ quan chức năng phát hiện, chưa bị xử lí hình sự hay chưa có trong thống kê hình sự. Việc sai số trong thống kê hình sự có thể do nhiều nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan: Do kĩ thuật hay phương pháp thống kê hình sự, thậm chí cả thái độ của cơ quan thống kê...

Những số liệu thống kê mà chúng ta có được về số vụ và người phạm tội về ma túy bên cạnh việc phản ánh năng lực hoạt động và thành tích của các cơ quan thi hành pháp luật, cũng chỉ phản ánh một phần (phần trông thấy được - tội phạm rõ) của tình hình tội phạm về ma túy ở Việt Nam thời gian qua.

Nghiên cứu tình hình tội phạm ản nói

chung, tội phạm ản về ma túy nói riêng là một vấn đề khó và dù áp dụng phương pháp nghiên cứu, tính toán và xác định nào cũng vẫn mang tính chất đánh giá, nhận định và ước đoán.

Cơ sở để đánh giá tình hình tội phạm về ma túy ản cũng dựa vào các tiêu chí chung về tình hình tội phạm ản như độ ản, lí do ản, thời gian ản, vùng ản.

Độ ản được hiểu là mức độ không bị phát hiện và xử lí hình sự của từng loại tội phạm hoặc từng nhóm tội phạm, có thể được xác định dựa vào mức độ bộc lộ của sự phạm tội và mối quan hệ của nó với các chủ thể khác có liên quan như người bị hại, nhân chứng. Những nghiên cứu hiện nay về tội phạm ản nói chung và độ ản của tội phạm nói riêng đã đưa ra 4 cấp độ ản, được phân biệt theo thứ bậc từ thấp đến cao mức độ ản khuất của tội phạm ở Việt Nam.⁽¹⁾ Đặt trong tổng thể phạm vi tội phạm ở Việt Nam, tội phạm về ma túy được đánh giá có độ ản cấp IV - cấp độ ản cao nhất.

Các chuyên gia về tội phạm học cũng như các cơ quan chức năng phòng chống tội phạm về ma túy đã đưa ra kết luận khá thống nhất về độ ản của tội phạm về ma túy ở Việt

* Giảng viên Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nam như sau:

“Căn cứ vào lượng thuốc phiện ước tính còn sản xuất trong nước và lượng ma túy được thâm lậu vào Việt Nam, căn cứ vào số lượng ma túy bị bắt giữ qua các năm, các chuyên gia nghiên cứu tội phạm học nước ngoài đánh giá Việt Nam mới chỉ phát hiện được từ 5 - 10% tội phạm về ma túy, như vậy tội phạm ẩn về ma túy tới 90 - 95%”.⁽²⁾

Hay “Ở Việt Nam, lực lượng chức năng chỉ mới phát hiện, bắt giữ khoảng 18% lượng ma túy ngay tại biên giới, còn trên 80% ma túy lọt vào nội địa”.⁽³⁾

Các kết luận trên được đưa ra từ các chuyên gia có uy tín, có kinh nghiệm trong nghiên cứu và trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở Việt Nam đồng thời đã được xác nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền phòng chống ma túy ở Việt Nam. Tuy nhiên, vì chỉ có các con số ước tính được đưa ra và hầu như chưa có các dẫn chứng và lập luận phân tích có sức thuyết phục cho nên có thể có sự nghi ngờ về tính chủ quan trong nhận định. Chính vì vậy, chúng tôi cố gắng đưa ra các phép tính với các giả định cơ bản, trên cơ sở số liệu thống kê trung bình 10 năm gần đây nhằm có kết luận khoa học và xác thực về tội phạm ẩn về ma túy ở Việt Nam.

Trước hết, tính bình quân trong 10 năm qua, mỗi năm cả nước có 10 vạn người nghiện ma túy. Với giả thiết số người nghiện ma túy này đều ở mức độ nhẹ, sử dụng heroin (chất ma túy phổ biến) trung

bình 2 liều/ngày thì một năm số người nghiện ma túy ở Việt Nam cần tối thiểu 73.000.000 liều tương đương khoảng 665 kg heroin. Theo kết quả thống kê của lực lượng cảnh sát phòng chống ma túy, trung bình mỗi năm chúng ta bắt giữ khoảng 60 kg heroin chỉ tương đương 9% lượng heroin tiêu thụ nêu trên.

Thêm vào đó, với diện tích trồng trái phép cây thuốc phiện trong nước trung bình mỗi năm là 400 ha, sản lượng thuốc phiện sản xuất ở Việt Nam ước tính đạt 2 tấn/năm, tương đương với 160 kg heroin (tính trung bình cứ 10 kg thuốc phiện sản xuất được 800 gram heroin). Như vậy, lượng heroin tiêu thụ trong nước có nguồn gốc từ nước ngoài trung bình là 405 kg/năm. Giả sử lượng heroin bị bắt giữ hàng năm đều là kết quả của hoạt động chống thâm lậu ma túy qua biên giới thì số heroin bị bắt giữ cũng chỉ đạt xấp xỉ 14% số heroin từ nước ngoài thâm lậu vào Việt Nam.

Ngoài ra, để khẳng định độ ẩn cao của tội phạm về ma túy còn dựa vào các cơ sở sau:

Thứ nhất, các giả thiết được tính trên số liệu thống kê về số người nghiện ma túy có hồ sơ kiểm soát (trung bình mỗi năm có 10 vạn người nghiện). Tuy nhiên, số người nghiện ma túy trên thực tế có thể còn cao hơn do chúng ta chưa thống kê được số người nghiện trong các trại tạm giam và người nghiện ma túy không có nơi cư trú cố định.

Đơn cử như ở thành phố Hồ Chí Minh - thị trường tiêu thụ ma túy lớn ở Việt Nam,

dù đã tập trung cai nghiện được hơn 30.000 đối tượng nhưng theo báo cáo của công an 24 quận huyện, thành phố thì còn khoảng 500 người nghiện đang “tự do” ngoài xã hội. Tuy nhiên, theo đánh giá của thượng tá Phan Anh Minh - phó giám đốc Công an thành phố Hồ Chí Minh thì con số này tối thiểu phải là 5.000 người. Với bình quân hàng năm, Công an thành phố bắt giữ hơn 500 đối tượng mua bán lẻ ma túy và nếu chỉ tính ít nhất mỗi đối tượng có 10 khách hàng - mới có thể duy trì hoạt động mua bán được - thì con số 5.000 người nghiện là rất có cơ sở.⁽⁴⁾ Theo Báo cáo của Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy, tính đến cuối năm 2004, cả nước vẫn còn tồn tại hơn 1.000 tụ điểm mua bán lẻ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, số đối tượng nghiện ma túy còn nằm ngoài sự kiểm soát của các lực lượng chức năng là không nhỏ.

Thứ hai, trên thực tế có số lượng không nhỏ heroin và các chất ma túy khác thẩm lậu vào Việt Nam song không phải để phục vụ cho nhu cầu của bình quân 10 vạn người nghiện trong nước mà tiếp tục được trung chuyển đi các nước thứ ba. Trong hội đàm với Việt Nam năm 1995, phái đoàn kiểm soát ma túy của Hoa Kỳ cho rằng 70% heroin sử dụng tại nước này được vận chuyển đến từ các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.⁽⁵⁾ Riêng hai năm 2002 - 2003, lực lượng kiểm soát của Australia đã phát hiện 26 vụ buôn bán trái phép ma túy do 44 người gốc Việt Nam thực hiện, thu giữ 18,5 kg

heroin. Qua điều tra, khai thác thông tin, 95% ma túy đều được vận chuyển qua tuyến hàng không ở sân bay Tân Sơn Nhất nhưng phía Việt Nam không kiểm soát được.

Với các phân tích trên, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với kết luận hiện nay về độ án của tội phạm về ma túy ở Việt Nam.

Trong các tội phạm về ma túy, loại tội phạm ẩn nhiều nhất là sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy. Lí do ẩn của tội phạm về ma túy nói chung, các tội phạm cụ thể này nói riêng có rất nhiều. Bản thân các hoạt động phạm tội về ma túy vốn được coi là “các mắt xích trong dây chuyền khép kín, không có hiện trường cụ thể, không có người bị hại”, việc phát hiện chúng chủ yếu phải dựa vào chứng cứ bắt quả tang, lực lượng đặc tình và mạng lưới bí mật. Tội phạm về ma túy là những loại tội phạm có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao và người phạm tội có thể phải chịu mức án cao nhất tới tử hình. Cũng chính vì vậy, các chủ thể thực hiện những tội phạm này luôn có ý thức che giấu hành vi phạm tội bằng các hoạt động có tổ chức chặt chẽ, các thành viên có mối quan hệ họ hàng thân tộc khép kín, có thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, mua chuộc các cán bộ nhà nước, đặc biệt cán bộ trong lực lượng đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy để tiếp tay, bao che cho hành vi phạm tội. Đồng thời, chúng cũng thể hiện thái độ đối chọi “một mất một còn” với những người có ý định tố giác và các lực lượng chức năng.

Trong khi đó, chúng ta chưa có cơ chế thoả đáng nhằm khuyến khích và bảo vệ người tố giác tội phạm. Vì những yếu tố tâm lí nhất định, người dân ít có thái độ tích cực trong việc công khai hợp tác với các cơ quan chức năng phòng, chống tội phạm về ma tuý. Những thiếu thốn về cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, lực lượng đấu tranh mỏng, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ... từ phía lực lượng đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma tuý cũng góp phần đưa đến tình trạng ẩn của tội phạm về ma tuý. Như vậy, lí do ẩn của tội phạm về ma tuý đều thấy xuất hiện từ bản thân người phạm tội, người dân và cả các cơ quan chức năng ở mức độ khá lớn.

Thời gian ẩn là khoảng thời gian từ khi thực hiện tội phạm cho đến khi tội phạm bị phát hiện. Đây là kết quả của sự tác động qua lại giữa độ ẩn, lí do ẩn và vùng ẩn. Việc xác định hoặc ước tính thời gian ẩn của các tội phạm về ma tuý là công việc khó khăn. Người phạm tội luôn có tâm lí chối tội, nhất là trong trường hợp thừa nhận hành vi và thời gian ẩn tội phạm về ma tuý đồng nghĩa với việc tăng thêm mức án cho mình. Rất khó khăn cho cơ quan điều tra trong việc xác định tất cả các đối tượng liên quan có ý nghĩa trong việc xác định thời gian ẩn của tội phạm. Lời khai của các đối tượng nghiện ma tuý có liên quan trong vụ án hầu như cũng chỉ giúp khẳng định tình tiết phạm tội nhiều lần của đối tượng mà không xác định được khoảng thời gian cụ thể. Nghiên cứu của chúng tôi trên 549 bản án hình sự sơ thẩm về

tội phạm về ma tuý, có tới 544/708 bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần (chiếm 76,8%). Số lần bị cáo phạm tội (chưa bị đưa ra xét xử) nhiều hay ít, trong khoảng thời gian bao lâu có ý nghĩa nhất định trong việc toà án đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và xác định mức độ trách nhiệm hình sự mà người đó phải chịu. Những kết luận rút ra từ việc áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần trong các bản án xét xử không có ý nghĩa nhiều trong việc xác định thời gian ẩn của tội phạm về ma tuý. Qua trao đổi với một số cán bộ trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma tuý ở một số địa bàn trọng điểm về ma tuý như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải phòng, Quảng Ninh... và Cục cảnh sát phòng, chống tội phạm về ma tuý, các ý kiến đều đánh giá thời gian ẩn của tội phạm về ma tuý là trên dưới 2 năm. Đối với các đường dây ma tuý lớn, có tổ chức khép kín, thời gian ẩn lên tới 3 năm và lâu hơn nữa. Lí do chủ yếu là với hệ thống hoạt động phạm tội khép kín, với sự tồn tại của hệ thống “luật” trong giới tội phạm về ma tuý, chúng ta khó có điều kiện để mở rộng vụ án, tìm ra kẻ cầm đầu, bóc tách đường dây phạm tội, hầu hết các vụ án chỉ có thể dừng ở các đối tượng bán lẻ, vận chuyển thuê, hệ thống đại lí. Điển hình như vụ án Ngô Đức Minh (tức Minh sút) đã được Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm đầu năm 2004. Từ năm 1993 đến năm 2000 (8 năm), Minh đã cấu kết với Ngô Xuân Phương (Việt kiều tại Nhật Bản) và 15

đối tượng khác mua 50 kg cần sa, 15 kg ma túy tổng hợp ATS, 69 bánh heroin từ nước ngoài về thành phố, sau đó vận tải qua tàu viễn dương từ cảng Sài Gòn đến cảng Kobe (Nhật Bản). Chỉ khi mở rộng chuyên án Năm Cam và phối hợp với lực lượng cảnh sát Nhật Bản, chúng ta mới khám phá ra đường dây ma túy xuyên quốc gia này.

Khi nghiên cứu tình hình tội phạm ẩn nói chung, tội phạm ẩn về ma túy nói riêng, người ta đặc biệt lưu tâm tới các loại tội phạm ẩn tự nhiên và tội phạm ẩn nhân tạo vì nó giúp chúng ta tìm ra nguyên nhân và hướng khắc phục tình trạng ẩn của tội phạm.

Tội phạm (về ma túy) ẩn tự nhiên bao gồm tất cả các tội phạm (về ma túy) đã xảy ra trên thực tế nhưng các cơ quan chức năng không nắm được, không có thông tin về chúng nên các tội phạm này không phải chịu bất kì một hình thức xử lí nào từ phía Nhà nước và xã hội, đương nhiên nó không có trong thống kê hình sự. Lí do ẩn ở loại này có thể xuất phát từ phía người phạm tội (có ý thức che giấu), những người biết về tội phạm (không báo tin, tố giác tội phạm) hoặc từ chính các cơ quan chức năng (trong việc giải quyết tin báo và tố giác về tội phạm hay điều tra, khám phá tội phạm). Tội phạm ẩn về ma túy chủ yếu ở dạng này. Qua điều tra xã hội học dưới dạng phiếu khảo sát, 76% trên tổng số 520 người được hỏi trả lời: Trong trường hợp nhìn thấy người khác sử dụng trái phép chất ma túy hoặc mua bán trái phép chất ma túy, họ sẽ không báo cơ quan chức năng,

trong đó vì ngại các thủ tục phiền hà (81,7%), sợ bị trả thù (43,6%)...

Tội phạm ẩn nhân tạo gồm những hành vi phạm tội thực tế đã xảy ra, các cơ quan chức năng đã nắm được và xử lí nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nhau, các hành vi ấy lại không chịu bất kì biện pháp tác động nào thuộc chế tài hình sự (kể cả miễn hình phạt hay miễn trách nhiệm hình sự). Các hoạt động nghiệp vụ, đặc biệt đối với các vụ án buôn bán, vận chuyển ma túy lớn, có tính chất xuyên quốc gia và quốc tế, đòi hỏi phải có thời gian xây dựng và mở rộng chuyên án, khoảng thời gian này có thể ẩn chứa các tội phạm về ma túy chưa được xử lí và thống kê. Bên cạnh đó, không loại trừ những trường hợp tội phạm về ma túy đã bị phát hiện, xử lí và thống kê nhưng ẩn nấp đằng sau các biện pháp xử lí khác (xử lí hành chính) hoặc tội phạm khác (tội phạm học gọi là các trường hợp bội ẩn). Trên thực tế, tội phạm ẩn về ma túy loại này ở Việt Nam không nhiều.

Sai số thống kê (có quan điểm là tội phạm ẩn thống kê) bao gồm những tội phạm và người phạm tội đã bị xử lí hình sự, song vì nhiều lí do khác nhau, số này lại lọt ra ngoài con số thống kê hình sự (những con số làm nền cho việc đánh giá tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội phạm về ma túy nói riêng). Hai lí do cơ bản dẫn đến sai số trong hệ thống thống kê hình sự ở Việt Nam là: 1/ Do toà án các địa phương không gửi báo cáo hoặc có gửi nhưng không đúng kì hạn theo quy định;

2/ Việc thống kê được tiến hành theo nguyên tắc: thống kê theo tội danh có mức hình phạt cao nhất của bị cáo.⁽⁶⁾ Rõ ràng, với đặc trưng đây chuyên khép kín của loại tội phạm về ma túy, số các bị cáo phạm tội và bị xét xử cùng lúc về nhiều tội phạm về ma túy cũng như phạm tội nhiều lần là không nhỏ nhưng thực trạng này không được thể hiện trong thống kê. Qua nghiên cứu 549 bản án hình sự sơ thẩm về tội phạm về ma túy trên cả nước với 708 bị cáo, có 76,9% là phạm tội nhiều lần, 16,6% phạm nhiều tội về ma túy. Thực tế, sai số thống kê chỉ liên quan đến những khiếm khuyết trong hệ thống thống kê hình sự hiện nay ở nước ta chứ không phản ánh hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm, tuy nhiên nó lại có thể gây ra những sai lệch trong việc đánh giá thực chất tình hình tội phạm (về ma túy) và từ đó dẫn đến những định hướng sai lệch trong đấu tranh và phòng ngừa tội phạm (về ma túy).

Để đánh giá đúng tình hình tội phạm ẩn về ma túy, cũng cần lưu ý đến một số thông tin bổ sung có ảnh hưởng đến tình hình tội phạm về ma túy nói chung, tội phạm ẩn về ma túy nói riêng như: Những thay đổi về mức độ hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật, những thay đổi về mức độ ưu tiên kinh phí cho hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy... đặc biệt là những thông tin về giá cả trên “thị trường ma túy”. Như khi số vụ và người phạm tội về ma túy bị phát hiện, điều tra và xử lý tăng mà giá vẫn hạ thì đây là biểu hiện tăng cung, tội phạm về ma

túy tăng; song nếu con số này tăng mà giá cả tăng theo thì chứng tỏ thị trường co lại do tăng cường hiệu quả của các hoạt động hành pháp...

Tóm lại, nghiên cứu và xác định tình hình tội phạm ẩn về ma túy ở Việt Nam, đặc biệt là độ ẩn của tội phạm về ma túy là đòi hỏi cấp thiết, có ý nghĩa cả về lí luận và thực tiễn. Những thông số về tình hình tội phạm ẩn về ma túy giúp chúng ta hiểu rõ hơn và thực chất về tình hình tội phạm về ma túy, từ đó có thể đưa ra các định hướng và giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy có hiệu quả./.

(1).Xem: Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 36 - 39.

(2).Xem: Nguyễn Xuân Yêm và Trần Văn Luyện, *Hiểm họa ma túy và cuộc chiến mới*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, tr. 539.

(3). Báo cáo tại Hội nghị chuyên đề bàn biện pháp cấp bách để ngăn chặn, đẩy lùi tình hình phức tạp về ma túy tuyến các tỉnh biên giới Tây Nam ngày 17/12/2004 tại thành phố Hồ Chí Minh và Báo cáo về tình hình và kết quả công tác phòng chống ma túy năm 2004 của Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy.

(4). Hội nghị chuyên đề bàn biện pháp cấp bách để ngăn chặn, đẩy lùi tình hình phức tạp về ma túy tuyến các tỉnh biên giới Tây Nam ngày 17/12/2004 tại thành phố Hồ Chí Minh.

(5).Xem: Phan Đình Khánh (2004), “*Đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh - thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*”, Sờ khoa học và công nghệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tr. 47.

(6). Xem: Thông tư liên ngành Nội vụ - Toà án - Kiểm sát - Tư pháp về chế độ thống kê ngày 12/11/1988.